

**UBND TỈNH THANH HÓA  
BAN CHỈ ĐẠO VẬN ĐỘNG  
HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /BCĐ-VHXXH  
V/v tăng cường công tác vận  
động hiến máu tình nguyện trên  
địa bàn tỉnh

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

Kính gửi:

- Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường.

Trong những năm qua, công tác hiến máu tình nguyện đã được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, với sự tham gia tích cực của các ban ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, phong trào hiến máu đã được đông đảo các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Theo báo cáo của Thường trực Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh, trong 6 tháng đầu năm 2025, Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh đã chỉ đạo tổ chức hiến máu tại 13/26 đơn vị cấp huyện (cũ) và tại các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn; với kết quả đạt được trên 25.000 đơn vị máu.

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện 6 tháng cuối năm 2025, đồng thời đáp ứng nhu cầu máu cấp cứu, điều trị người bệnh trên địa bàn tỉnh, Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh đề nghị các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện tốt các nội dung trọng tâm sau:

1. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh (Hội Chữ thập đỏ tỉnh)

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động những người có đủ sức khỏe tình nguyện tham gia hiến máu; đảm bảo cung cấp máu an toàn, phục vụ cấp cứu, điều trị tại các bệnh viện. Chú trọng mục tiêu vận động hiến máu với thể tích 350ml với những tình nguyện viên đảm bảo sức khỏe, có cân nặng từ 55kg trở lên; tiếp tục triển khai thực hiện các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

- Khẩn trương tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh kiện toàn Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch hiến máu năm 2026 theo chỉ đạo và chỉ tiêu phân bổ của Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện.

2. Các ban, sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các trường cao đẳng, đại học, chuyên nghiệp, dạy nghề trên địa bàn tỉnh

Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh: Số 15/KH-BCĐTH ngày 22/01/2025 về công tác tuyên truyền vận động và tổ chức hiến máu tình nguyện năm 2025; Số 118/KH-BCĐ ngày 12/6/2025 về tổ chức Chương trình “Hành trình Đỏ” lần thứ XIII, năm 2025 của

Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

### 3. UBND các xã, phường

- Khẩn trương thành lập Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện của địa phương; phân công đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã, phường làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Hội Chữ thập đỏ làm Phó Ban Thường trực, thành viên Ban Chỉ đạo là cán bộ lãnh đạo các cơ quan, phòng, đơn vị có liên quan tại địa phương; kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền vận động, huy động người hiến máu tình nguyện trên địa bàn đảm bảo chỉ tiêu máu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, cấp cứu và điều trị bệnh nhân.

- Tuyên truyền vận động Nhân dân đăng ký tham gia hiến máu tình nguyện, phấn đấu đạt chỉ tiêu 1,5% dân số trở lên tại địa phương tham gia hiến máu. Đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, phường, Ban Chỉ đạo xã, phường tích cực vận động đảm bảo ít nhất 30% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia hiến máu tình nguyện cùng với địa phương.

- Đối với các xã, phường đã tổ chức hiến máu năm 2025 (*chi tiết Phụ lục I kèm theo*) tiếp tục tuyên truyền vận động để dự kiến xây dựng kế hoạch hiến máu năm 2026 khi có hướng dẫn và phân bổ chỉ tiêu của Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh.

- Đối với các xã, phường chưa tổ chức hiến máu năm 2025, chủ động phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh, xây dựng kế hoạch hiến máu tình nguyện theo chỉ tiêu tỉnh giao (*chi tiết Phụ lục II kèm theo*) và thống nhất thời gian, địa điểm, phương thức tổ chức đảm bảo đạt kết quả các chỉ tiêu theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Đối với các xã không tổ chức hiến máu tình nguyện (*chi tiết Phụ lục III kèm theo*) cần nâng cao chất lượng hoạt động của Câu lạc bộ Ngân hàng máu sống, để tình nguyện viên tham gia hiến máu trong các trường hợp khẩn cấp.

Để đảm bảo nguồn máu cấp cứu, điều trị cho người bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân trong những tháng còn lại của năm 2025. Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện các nội dung nêu trên; trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo về Thường trực Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh (Hội Chữ thập đỏ tỉnh) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- BCD Quốc gia vận động HMTN (để b/c);
- Trung ương Hội CTĐ Việt Nam (để b/c);
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (để b/c);
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (để t/h);
- Các trường ĐH, CĐ, trung cấp (để t/h);
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (để t/h);
- Thành viên BCD vận động HMTN tỉnh (để t/h);
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh (để t/h);
- Lưu: VT, VHXXH<sub>NVH</sub>.

**TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Đầu Thanh Tùng**

**Phụ lục I**  
**TỔNG HỢP CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ TỔ CHỨC HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số 10347/BCĐ-VHXXH ngày 01 tháng 7 năm 2025 của*  
*Trưởng Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh)*

| STT | Tên xã/phường      | Kết quả đã thực hiện <sup>1</sup> | Ghi chú                     |
|-----|--------------------|-----------------------------------|-----------------------------|
| 1   | Phường Hạc Thành   | 1.638                             | Thành phố Thanh Hóa<br>(cũ) |
| 2   | Phường Quảng Phú   |                                   |                             |
| 3   | Phường Đông Quang  |                                   |                             |
| 4   | Phường Đông Sơn    |                                   |                             |
| 5   | Phường Đông Tiến   |                                   |                             |
| 6   | Phường Hàm Rồng    |                                   |                             |
| 7   | Phường Nguyệt Viên |                                   |                             |
| 8   | Xã Hà Trung        | 1.131                             | Huyện Hà Trung<br>(cũ)      |
| 9   | Xã Tống Sơn        |                                   |                             |
| 10  | Xã Hà Long         |                                   |                             |
| 11  | Xã Hoạt Giang      |                                   |                             |
| 12  | Xã Lĩnh Toại       |                                   |                             |
| 13  | Xã Triệu Lộc       | 619                               | Huyện Hậu Lộc cũ            |
| 14  | Xã Đông Thành      |                                   |                             |
| 15  | Xã Hậu Lộc         |                                   |                             |
| 16  | Xã Hoa Lộc         |                                   |                             |
| 17  | Xã Vạn Lộc         |                                   |                             |
| 18  | Xã Nga Sơn         | 713                               | Huyện Nga Sơn<br>(cũ)       |
| 19  | Xã Nga Thắng       |                                   |                             |
| 20  | Xã Hồ Vương        |                                   |                             |
| 21  | Xã Tân Tiến        |                                   |                             |
| 22  | Xã Nga An          |                                   |                             |
| 23  | Xã Ba Đình         |                                   |                             |
| 24  | Xã Lưu Vệ          | 1.297                             | Huyện Quảng Xương<br>(cũ)   |
| 25  | Xã Quảng Yên       |                                   |                             |
| 26  | Xã Quảng Ngọc      |                                   |                             |
| 27  | Xã Quảng Ninh      |                                   |                             |
| 28  | Xã Quảng Bình      |                                   |                             |
| 29  | Xã Tiên Trang      |                                   |                             |
| 30  | Xã Quảng Chính     |                                   |                             |
| 31  | Xã Nông Cống       | 875                               | Huyện Nông Cống<br>(cũ)     |
| 32  | Xã Thăng Lợi       |                                   |                             |
| 33  | Xã Trung Chính     |                                   |                             |
| 34  | Xã Trường Vĩn      |                                   |                             |
| 35  | Xã Tượng Lĩnh      |                                   |                             |
| 36  | Xã Thăng Bình      |                                   |                             |
| 37  | Xã Công Chính      |                                   |                             |
| 38  | Xã Thiệu Hóa       | 920                               | Huyện Thiệu Hóa<br>(cũ)     |
| 39  | Xã Thiệu Quang     |                                   |                             |
| 40  | Xã Thiệu Tiến      |                                   |                             |
| 41  | Xã Thiệu Toán      |                                   |                             |
| 42  | Xã Thiệu Trung     |                                   |                             |

<sup>1</sup> Đơn vị máu tiếp nhận được chưa quy đổi.

| STT | Tên xã/phường    | Kết quả đã thực hiện <sup>1</sup> | Ghi chú                   |
|-----|------------------|-----------------------------------|---------------------------|
| 43  | Xã Yên Định      | 635                               | Huyện Yên Định<br>(cũ)    |
| 44  | Xã Yên Trường    |                                   |                           |
| 45  | Xã Yên Phú       |                                   |                           |
| 46  | Xã Yên Ninh      |                                   |                           |
| 47  | Xã Quý Lộc       |                                   |                           |
| 48  | Xã Định Tân      |                                   |                           |
| 49  | Xã Định Hòa      |                                   |                           |
| 50  | Xã Thọ Xuân      | 483                               | Huyện Thọ Xuân<br>(cũ)    |
| 51  | Xã Thọ Long      |                                   |                           |
| 52  | Xã Xuân Hòa      |                                   |                           |
| 53  | Xã Sao Vàng      |                                   |                           |
| 54  | Xã Lam Sơn       |                                   |                           |
| 55  | Xã Thọ Lập       |                                   |                           |
| 56  | Xã Xuân Tín      |                                   |                           |
| 57  | Xã Xuân Lập      |                                   |                           |
| 58  | Xã Linh Sơn      | 413                               | Huyện Lang Chánh<br>(cũ)  |
| 59  | Xã Đồng Lương    |                                   |                           |
| 60  | Xã Giao An       |                                   |                           |
| 61  | Xã Văn Phú       |                                   |                           |
| 62  | Xã Yên Khương    |                                   |                           |
| 63  | Xã Yên Thắng     |                                   |                           |
| 64  | Xã Kim Tân       | 699                               | Huyện Thạch Thành<br>(cũ) |
| 65  | Xã Vân Du        |                                   |                           |
| 66  | Xã Ngọc Trạo     |                                   |                           |
| 67  | Xã Thạch Bình    |                                   |                           |
| 68  | Xã Thành Vinh    |                                   |                           |
| 69  | Xã Thạch Quảng   |                                   |                           |
| 70  | Xã Như Xuân      | 529                               | Huyện Như Xuân<br>(cũ)    |
| 71  | Xã Thượng Ninh   |                                   |                           |
| 72  | Xã Xuân Bình     |                                   |                           |
| 73  | Xã Hóa Quý       |                                   |                           |
| 74  | Xã Thanh Quân    |                                   |                           |
| 75  | Xã Thanh Phong   |                                   |                           |
| 76  | Xã Nam Xuân      | 213                               | Huyện Quan Hóa<br>(cũ)    |
| 77  | Xã Thiên Phú     |                                   |                           |
| 78  | Xã Hiền Kiệt     |                                   |                           |
| 79  | Xã Phú Xuân      |                                   |                           |
| 80  | Xã Phú Lệ        |                                   |                           |
| 81  | Xã Trung Thành   |                                   |                           |
| 82  | Xã Trung Sơn     |                                   |                           |
| 83  | Xã Hồi Xuân      |                                   |                           |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>10.165</b>                     |                           |

**Phụ lục II**  
**CHỈ TIÊU VÀ THỜI GIAN HIẾN MÁU TÌNH NGUYỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số 10347BCĐ-VHXXH ngày 01 tháng 7 năm 2025 của*  
*Trưởng Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh)*

| STT | Tên xã/phường/đơn vị | Dân số | Dự kiến số đơn vị máu | Dự kiến thời gian tổ chức |         | Địa điểm tổ chức hiến máu |
|-----|----------------------|--------|-----------------------|---------------------------|---------|---------------------------|
|     |                      |        |                       | Ngày                      | Tháng   |                           |
| 1   | Xã Hoàng Tiến        | 29.687 | 356                   | Ngày 05                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 2   | Xã Hoàng Thanh       | 38.386 | 461                   | Ngày 07                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 3   | Xã Hoàng Hóa         | 43.831 | 526                   | Ngày 09                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 4   | Xã Hoàng Lộc         | 36.277 | 435                   | Ngày 12                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 5   | Xã Hoàng Châu        | 33.857 | 406                   | Ngày 14                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 6   | Xã Hoàng Sơn         | 27.567 | 331                   | Ngày 19                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 7   | Xã Hoàng Phú         | 23.006 | 276                   | Ngày 16                   | Tháng 8 | Xã Hoàng Phú              |
| 8   | Xã Hoàng Giang       | 32.533 | 390                   |                           |         |                           |
| 9   | Xã Ngọc Lặc          | 39.481 | 474                   | Ngày 21                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 10  | Xã Thạch Lập         | 19.465 | 234                   | Ngày 23                   | Tháng 8 | Xã Thạch Lập              |
| 11  | Xã Ngọc Liên         | 27.782 | 333                   |                           |         |                           |
| 12  | Xã Minh Sơn          | 29.388 | 353                   | Ngày 26                   | Tháng 8 | UBND xã                   |
| 13  | Xã Nguyệt Ấn         | 23.462 | 282                   | Ngày 28                   | Tháng 8 | Xã Kiên Thọ               |
| 14  | Xã Kiên Thọ          | 22.226 | 267                   |                           |         |                           |
| 15  | Xã Xuân Du           | 22.331 | 268                   | Ngày 30                   | Tháng 8 | Xã Như Thanh              |
| 16  | Xã Mậu Lâm           | 18.911 | 227                   |                           |         |                           |
| 17  | Xã Như Thanh         | 26.231 | 315                   |                           |         |                           |
| 18  | Xã Yên Thọ           | 23.029 | 276                   | ngày 04                   | Tháng 9 | Xã Yên Thọ                |
| 19  | Xã Xuân Thái         | 4.418  | 53                    |                           |         |                           |
| 20  | Xã Thanh Kỳ          | 12.531 | 150                   |                           |         |                           |
| 21  | Xã Bát Mọt           | 4.174  | 50                    | ngày 06                   | Tháng 9 | Xã Yên Nhân               |
| 22  | Xã Yên Nhân          | 5.674  | 68                    |                           |         |                           |
| 23  | Xã Lương Sơn         | 9.573  | 115                   |                           |         |                           |
| 24  | Xã Luận Thành        | 16.090 | 193                   | ngày 09                   | Tháng 9 | Xã Luận Thành             |
| 25  | Xã Tân Thành         | 12.780 | 153                   |                           |         |                           |
| 26  | Xã Vạn Xuân          | 6.125  | 74                    | ngày 11                   | Tháng 9 | Xã Vạn Xuân               |
| 27  | Xã Thắng Lộc         | 8.893  | 107                   |                           |         |                           |
| 28  | Xã Xuân Chinh        | 7.588  | 91                    |                           |         |                           |
| 29  | Xã Thường Xuân       | 33.490 | 402                   | ngày 13                   | Tháng 9 | UBND xã                   |
| 30  | Phường Ngọc Sơn      | 47.911 | 575                   | Ngày 16                   | Tháng 9 | UBND Phường               |
| 31  | Phường Tân Dân       | 22.095 | 265                   | Ngày 20                   | Tháng 9 | Phường Hải Lĩnh           |
| 32  | Phường Hải Lĩnh      | 18.330 | 220                   |                           |         |                           |
| 33  | Xã Các Sơn           | 21.462 | 258                   |                           |         |                           |
| 34  | Phường Tĩnh Gia      | 58.583 | 703                   | Ngày 18, 19               | Tháng 9 | UBND Phường               |

| STT | Tên xã/phường/đơn vị                      | Dân số | Dự kiến số đơn vị máu | Dự kiến thời gian tổ chức |          | Địa điểm tổ chức hiến máu |
|-----|-------------------------------------------|--------|-----------------------|---------------------------|----------|---------------------------|
|     |                                           |        |                       | Ngày                      | Tháng    |                           |
| 35  | Phường Đào Duy Từ                         | 26.206 | 314                   | Ngày 23                   | Tháng 9  | UBND Phường               |
| 36  | Phường Hải Bình                           | 33.670 | 404                   | Ngày 25                   | Tháng 9  | Phường Hải Bình           |
| 37  | Phường Nghi Sơn                           | 32.939 | 395                   |                           |          |                           |
| 38  | Phường Trúc Lâm                           | 23.950 | 287                   | Ngày 27                   | Tháng 9  | Phường Trúc Lâm           |
| 39  | Xã Trường Lâm                             | 21.582 | 259                   |                           |          |                           |
| 40  | Xã Tây Đô                                 | 27.440 | 329                   | Ngày 01                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 41  | Xã Vĩnh Lộc                               | 40.344 | 484                   | Ngày 04                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 42  | Xã Biện Thượng                            | 31.917 | 383                   | Ngày 07                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 43  | Xã Cẩm Thạch                              | 31.878 | 383                   | Ngày 09                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 44  | Xã Cẩm Thủy                               | 30.525 | 366                   | Ngày 11                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 45  | Xã Cẩm Tú                                 | 26.049 | 313                   | Ngày 14                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 46  | Xã Cẩm Vân                                | 22.794 | 274                   | Ngày 16                   | Tháng 10 | Xã Cẩm Tân                |
| 47  | Xã Cẩm Tân                                | 21.084 | 253                   | Ngày 18                   | Tháng 10 |                           |
| 48  | Xã Văn Nho                                | 10.112 | 121                   | Ngày 21                   | Tháng 10 | Xã Văn Nho                |
| 49  | Xã Thiết Ống                              | 13.227 | 159                   |                           |          |                           |
| 50  | Xã Bá Thước                               | 21.442 | 257                   | Ngày 25                   | Tháng 10 | Xã Bá Thước               |
| 51  | Xã Điền Quang                             | 16.611 | 199                   |                           |          |                           |
| 52  | Xã Cổ Lũng                                | 9.726  | 117                   | Ngày 23                   | Tháng 10 | Xã Cổ Lũng                |
| 53  | Xã Pù Luông                               | 9.573  | 115                   |                           |          |                           |
| 54  | Xã Điền Lư                                | 21.015 | 252                   | Ngày 28                   | Tháng 10 | Xã Điền Lư                |
| 55  | Xã Quý Lương                              | 15.125 | 182                   |                           |          |                           |
| 56  | Xã Triệu Sơn                              | 54.445 | 653                   | Ngày 30                   | Tháng 10 | UBND xã                   |
| 57  | Xã Thọ Bình                               | 18.556 | 223                   | Ngày 01                   | Tháng 11 | Xã Thọ Ngọc               |
| 58  | Xã Thọ Ngọc                               | 24.322 | 292                   | Ngày 03                   | Tháng 11 |                           |
| 59  | Xã Thọ Phú                                | 40.004 | 480                   | Ngày 05                   | Tháng 11 | UBND xã                   |
| 60  | Phường Nam Sầm Sơn                        | 37.572 | 451                   | Ngày 05                   | Tháng 11 | UBND Phường               |
| 61  | Phường Sầm Sơn                            | 99.866 | 1.198                 | Ngày 07,08                | Tháng 11 | UBND Phường               |
| 62  | Xã Hợp Tiên                               | 33.086 | 397                   | Ngày 11                   | Tháng 11 | UBND xã                   |
| 63  | Xã An Nông                                | 28.717 | 345                   | Ngày 13                   | Tháng 11 | UBND xã                   |
| 64  | Xã Tân Ninh                               | 27.427 | 329                   | Ngày 15                   | Tháng 11 | Xã Đồng Tiến              |
| 65  | Xã Đồng Tiến                              | 22.945 | 275                   |                           |          |                           |
| 66  | Phường Bím Sơn                            | 45.997 | 552                   | Ngày 06                   | Tháng 12 | Phường Bím Sơn            |
| 67  | Phường Quang Trung                        | 32.808 | 394                   | Ngày 13                   | Tháng 12 | UBND xã                   |
| 68  | ĐH Hồng Đức (Lần 2)                       |        | 400                   | Ngày 22                   | Tháng 11 | Nhà trường                |
| 69  | Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội (Lần 2) |        | 300                   | Ngày 29                   | Tháng 11 | Nhà trường                |
| 70  | Ngày Chủ nhật Đỏ                          |        | 300                   | Ngày 28                   | Tháng 12 | Trường ĐH VH,TT&DL        |
|     | <b>Tổng cộng</b>                          |        | <b>22.121</b>         |                           |          |                           |

**Phụ lục III**  
**CÁC XÃ KHÔNG GIAO CHỈ TIÊU TỔ CHỨC TIẾP NHẬN MÁU NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số 10347/BCĐ-VHXXH ngày 01 tháng 7 năm 2025 của  
Trưởng Ban Chỉ đạo vận động hiến máu tình nguyện tỉnh)*

| STT | Tên xã           | Dân số        | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------|---------|
| 1   | Xã Mường Chanh   | 3.894         |         |
| 2   | Xã Quang Chiêu   | 5.986         |         |
| 3   | Xã Tam Chung     | 4.527         |         |
| 4   | Xã Mường Lát     | 7.089         |         |
| 5   | Xã Pù Nhi        | 5.922         |         |
| 6   | Xã Nhi Sơn       | 3.514         |         |
| 7   | Xã Mường Lý      | 5.878         |         |
| 8   | Xã Trung Lý      | 7.335         |         |
| 9   | Xã Na Mèo        | 4.174         |         |
| 10  | Xã Sơn Thủy      | 4.053         |         |
| 11  | Xã Sơn Điện      | 5.002         |         |
| 12  | Xã Mường Mìn     | 2.991         |         |
| 13  | Xã Tam Thanh     | 4.196         |         |
| 14  | Xã Tam Lư        | 6.124         |         |
| 15  | Xã Quan Sơn      | 7.511         |         |
| 16  | Xã Trung Hạ      | 9.289         |         |
|     | <b>Tổng cộng</b> | <b>78.196</b> |         |